

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VŨNG LIÊM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày: 16 - 9- 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị L.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông **Lê Văn H.**

2/- Ông **Đinh Minh P.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Q** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh X** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc N - sinh ngày: 25/02/1985 tại H; Nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1954; Chồng: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981; Con: Nguyễn Hữu T1, sinh năm 2007 và Nguyễn Ngọc Ngân A, sinh năm 2019; Anh, chị em ruột: 05 người (lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1987); Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 20/5/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định khởi tố bị can, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Ngày 24/5/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và quyết định tạm hoãn xuất nhập cảnh đối với Trần Thị Ngọc N.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Hồng H2** - sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

* Người làm chứng:

1. Anh **Nguyễn Long P1** - sinh năm: 1978 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
2. Chị **Nguyễn Thị Hồng N1** - sinh năm: 1984 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
3. Bà **Trần Thị N2** – sinh năm: 1958 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
4. Anh **Nguyễn Võ L1** – sinh năm: 1984 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
5. Chị **Nguyễn Thị T2** - sinh năm: 1971 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
6. Ông **Nguyễn Văn S** – sinh năm: 1965 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
7. Chị **Trương Thị Ái N3** – sinh năm: 1993 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

8. Chị **Trần Thanh D** – sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

9. Bà **Hà Thị D1** – sinh năm: 1964 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trần Thị Ngọc N là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1991, nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Do đang thiếu nợ nhiều người và không có khả năng chi trả nên H2 điện thoại hỏi vay của N số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và hứa 07 (Bảy) đến 10 (Mười) ngày sẽ trả tiền lại, lý do là để “đáo hạn ngân hàng”. Ngày 25/5/2022, N điện thoại kêu H2 đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và đưa số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho H2 vay, lãi suất hai người tự thỏa thuận là 2.000 đồng (Hai nghìn đồng)/1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền vay/01 (Một) ngày, hẹn đến ngày 31/5/2022, H2 phải trả số tiền gốc một lần lại cho N. Sau khi nhận được số tiền vay H2 đã đưa trước số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi suất cho N. Khi đến thời hạn trả nợ, H2 không trả khoản vay 250.000.0000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho N, nên hai người thỏa thuận lãi suất là 4.000 đồng (Bốn nghìn đồng)/1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền vay/01 (Một) ngày, tiền lãi bắt đầu tính từ ngày 01/6/2022.

Ngày 18/9/2022, N tính tiền lãi suất 108 (một trăm lẻ tám) ngày vay (từ 01/6/2022 đến 18/9/2022), số tiền vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho H2 là: (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng). Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay là 15.000.002 đồng (Mười lăm triệu không trăm lẻ hai đồng), thì số tiền lãi suất N thu lợi là 92.999.998 đồng (Chín mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng). Đến ngày 19/9/2022, Nguyễn Thị Hồng H2 chuyển khoản

trả số tiền vay gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) từ tài khoản ngân hàng Á (A1) số tài khoản 194229969 của H2, đến tài khoản ngân hàng N5 (A2) số tài khoản 7303215014352 của N và trả số tiền lãi suất là 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng), H2 còn nợ N số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và số tiền lãi suất là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Đến ngày 27/9/2022, H2 kêu N tiếp tục tính tiền vay và số tiền lãi suất để trả tiền. N tính tiền lãi suất 09 ngày vay (từ ngày 19/9/2022 đến ngày 27/9/2022), số tiền vay 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), là: (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 4.680.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 649.998 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi suất Trần Thị Ngọc N thu lợi là 4.030.002 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi nghìn lẻ hai đồng). Ngày 30/9/2022, H2 chuyển khoản trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho N. Ngày 01/10/2022, H2 chuyển khoản số tiền 69.000.000 đồng, trả hết số tiền vay và lãi suất còn lại là 68.680.000 đồng (Sáu mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) cho N. Số tiền chuyển khoản chênh lệch là 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng) do H2 tự chi trả thêm cho N.

Nguồn gốc số tiền cho vay là Trần Thị Ngọc N4 đã vay, mượn của nhiều người khác để cho vay lại, nhằm mục đích hưởng tiền lãi suất chênh lệch. Cụ thể:

1. Ngày 25/5/2022, Trần Thị Ngọc N vay của Nguyễn Long P1, sinh năm 1978, nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (chồng của Nguyễn Thị Hồng N1), số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 31/5/2022, N đã trả số tiền vay gốc và số tiền lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày, cho 07 ngày vay là: (2.000đ/1.000.000đ tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) cho P1. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 777.777 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì số tiền Nguyễn Long P1 thu lợi là 2.022.223 đồng.

Số tiền 50.000.000 đồng còn lại là số tiền hụi do Trần Thị Ngọc N đang quản lý, N lấy tiền lãi suất 07 ngày là: (2.000đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 194.446 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì số tiền Trần Thị Ngọc N thu lợi là 505.554 đồng.

2. Từ ngày 01/6/2022 đến 02/7/2022, Trần Thị Ngọc N vay của Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1984, nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (vợ của Nguyễn Long P1), số tiền 200.000.000 đồng. Hai người tự thỏa thuận lãi suất với nhau như sau:

+ Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 03/6/2022: Hai người tự thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày, cho 03 ngày vay là: (2.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), N đã trả tiền lãi suất 1.200.000 đồng cho N1. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 333.333 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều

468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền Nguyễn Thị Hồng N1 thu lợi là 866.667 đồng.

+ Từ ngày 04/6/2022 đến ngày 02/7/2022: Hai người tự thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày, cho 29 ngày vay là: (3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), N đã trả hết số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi là 17.400.000 đồng cho N1. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 3.222.219 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền Nguyễn Thị Hồng N1 thu lợi là 14.177.781 đồng.

3. Để có số tiền 200.000.000 đồng trả tiền vay cho Nguyễn Thị Hồng N1, Trần Thị Ngọc N hỏi mượn tiền của bà Trần Thị N2, sinh năm 1958, nơi thường trú: ấp N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, số tiền 200.000.000 đồng, từ ngày 02/7/2022 đến ngày 30/7/2022, trả tiền lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày. Đến ngày 30/7/2022, N tự tính tiền lãi suất cho 29 ngày vay là: (4.000 đồng /1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 23.200.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), Trần Thị Ngọc N đã trả hết số tiền mượn 200.000.000 đồng và số tiền lãi suất 23.200.000 đồng cho bà Trần Thị N2. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 3.222.219 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền Trần Thị N2 thu lợi là 19.977.781 đồng.

4. Để có 50.000.000 đồng giao cho hội viên, Trần Thị Ngọc N hỏi mượn của Nguyễn Võ L1, sinh năm 1984, nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 07/6/2022 đến ngày 06/7/2022, N nói sẽ đưa tiền lãi cho L1 nhưng không nói cụ thể. Đến ngày 06/7/2022, N tự tính tiền lãi suất cho 30 ngày vay là: (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), N đã trả hết số tiền mượn 50.000.000 đồng và số tiền lãi suất 6.000.000 đồng cho L1. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 833.340 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền Nguyễn Võ L1 thu lợi là 5.166.660 đồng.

5. Để có tiền trả cho Nguyễn Võ L1, Trần Thị Ngọc N hỏi mượn của Trần Thanh D, sinh năm 1987, nơi thường trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 06/7/2022 đến ngày 03/9/2022, N nói với D sẽ đưa tiền lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày. Đến ngày 03/9/2022, N tự tính tiền lãi suất cho 57 ngày vay là: (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), N đã trả hết số tiền mượn 50.000.000 đồng và số tiền lãi suất 8.550.000 đồng cho D. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 1.583.346 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền Trần Thanh D thu lợi là 6.966.654 đồng.

6. Để có số tiền 200.000.000 đồng trả tiền mượn của bà Trần Thị N2:

+ Trần Thị Ngọc N đã mượn tiền của bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971, nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, số tiền 100.000.000 đồng, N nói sẽ đưa tiền lãi suất cho bà T2 là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01

ngày (từ ngày 30/7/2022 đến ngày 18/9/2022). Đến ngày 18/9/2022, N tự tính lãi suất cho 49 ngày vay là: (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 19.600.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng), N đã trả hết số tiền mượn 100.000.000 đồng và số tiền lãi suất 19.600.000 đồng cho bà T2. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 2.722.244 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì số tiền Nguyễn Thị T2 thu lợi là 16.877.756 đồng.

+ Trần Thị Ngọc N đã vay của ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965, nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ 01 ngày (từ ngày 30/7/2022 đến ngày 19/8/2022). Đến ngày 19/8/2022, N tính tiền lãi suất cho 19 ngày vay là: (3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng), N đã trả hết số tiền vay 100.000.000 đồng và số tiền lãi suất 5.700.000 đồng cho ông S. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 1.055.564 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì số tiền Nguyễn Văn S thu lợi là 4.644.436 đồng.

7. Để có tiền 100.000.000 đồng trả tiền vay của ông Nguyễn Văn S:

+ Trần Thị Ngọc N hỏi mượn tiền của Nguyễn Võ L1 số tiền 50.000.000 đồng, nói sẽ đưa tiền lãi suất cho L1 nhưng không nói bao nhiêu (từ ngày 19/8/2022 đến ngày 18/9/2022). Đến ngày 18/9/2022, N tự tính lãi suất cho 29 ngày vay là: (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền là 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), N đã trả hết số tiền mượn 50.000.000 đồng và số tiền lãi 5.800.000 đồng cho L1. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 805.562 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì số tiền Nguyễn Võ L1 thu lợi là 4.994.438 đồng.

+ Trần Thị Ngọc N hỏi mượn tiền của Trương Thị Ái N3, sinh năm 1993, nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long số tiền 15.000.000 đồng, nói sẽ đưa tiền lãi suất cho N3 nhưng không nói là lãi suất bao nhiêu (từ ngày 19/8/2022 đến ngày 08/9/2022). Đến ngày 08/9/2022, N tự tính lãi suất cho 15 ngày vay là: (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), N đã trả hết số tiền mượn 15.000.000 đồng và số tiền lãi suất 900.000 đồng cho N3. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 125.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì số tiền Trương Thị Ái N3 thu lợi là 775.000 đồng.

+ Trần Thị Ngọc N hỏi mượn tiền của bà Hà Thị D1, sinh năm 1964, nơi thường trú: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, số tiền 30.000.000 đồng, nói sẽ đưa tiền lãi suất cho D1 nhưng không nói cụ thể (từ ngày 19/8/2022 đến ngày 14/9/2022); Đến ngày 14/9/2022, N tự tính lãi suất cho 27 ngày vay là: (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), N đã trả hết số tiền mượn 30.000.000 đồng và số tiền lãi suất 3.240.000 đồng cho bà D1. Sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 450.009 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền Hà Thị D1 thu lợi là 2.789.991 đồng.

+ Số tiền còn lại 5.000.000 đồng là của Trần Thị Ngọc N.

8. Để có 15.000.000 đồng trả tiền mượn của Trương Thị Ái N3 và tiền lãi suất của những người khác, Trần Thị Ngọc N hỏi mượn tiền của bà Nguyễn Thị T2 số tiền 50.000.000 đồng, N nói sẽ đưa tiền lãi suất cho bà T2 là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (từ ngày 31/8/2022 đến ngày 18/9/2022). Đến ngày 18/9/2022, Trần Thị Ngọc N tự tính lãi suất cho bà Nguyễn Thị T2 19 ngày vay là 3.800.000 đồng (4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày) tương ứng với số tiền lãi là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng), Trần Thị Ngọc N đã trả hết số tiền mượn 50.000.000 đồng và số tiền lãi suất 3.800.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T2, sau khi trừ số tiền lãi suất 20% là 527.782 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền bà Nguyễn Thị T2 thu lợi là 3.272.218 đồng.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, Trần Thị Ngọc N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có cha ruột là ông Trần Văn M là người được hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTG ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ, ông nội ruột tên Trần Văn T3 là người có đóng góp nhiều công sức trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Bị can Trần Thị Ngọc N được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” giai đoạn năm 2010 – 2015; được Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện V tặng Giấy khen do đã hoàn thành xuất sắc trong phong trào công tác Hội năm 2011.

Việc thu giữ, tạm giữ, xử lý vật chứng trong vụ án: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Đối với hành vi của Nguyễn Long P1, Nguyễn Thị Hồng N1, Nguyễn Võ L1, Trần Thanh D, Trần Thị N2, Nguyễn Thị T2, Trương Thị Ái N3, Hà Thị D1 và Nguyễn Văn S đã cho Trần Thị Ngọc N vay, mượn tiền và nhận tiền lãi suất của N. Những người này thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và không biết việc N vay, mượn tiền để cho Nguyễn Thị Hồng H2 vay lại. Do đó, hành vi của những người này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết, nên không xem xét xử lý.

Bản cáo trạng số: 49/CT-VKSHVL ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc N, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:
Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Trần Thị Ngọc N đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của bị cáo N là hành vi nguy

hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự quy định và bảo vệ. Bị cáo N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý vì động cơ mục đích là vụ lợi cá nhân. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc N 50.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ –HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đề nghị:

+ Buộc bị cáo N nộp số tiền 250.000.000 đồng (khoản tiền dùng cho vay) và số tiền 15.650.000 đồng (tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định BLDS là 20%);

+ Buộc bị cáo N trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng H2 số tiền: 97.030.000 đồng (số tiền lãi vượt quá mức quy định).

Đối với hành vi của Nguyễn Long P1, Nguyễn Thị Hồng N1, Nguyễn Võ L1, Trần Thanh D, Trần Thị N2, Nguyễn Thị T2, Trương Thị Ai N3, Hà Thị D1 và Nguyễn Văn S đã cho Trần Thị Ngọc N vay, mượn tiền và nhận tiền lãi suất của N. Những người này thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và không biết việc N vay, mượn tiền để cho Nguyễn Thị Hồng H2 vay lại. Do đó, hành vi của những người này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết, nên không xem xét xử lý.

Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị buộc bị cáo N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo N: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm.

Bị cáo N nói lời sau cùng: Bị cáo thấy sai lầm trong việc cho vay lãi nặng, mong Hội đồng xét xử giảm số tiền 250.000.000 đồng vì hiện nay bị cáo còn nuôi hai con ăn học, bị cáo chấp nhận sai phạm và sẽ sửa chữa về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐ đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Điều tra viên, Viện kiểm sát - Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo N trình bày từ ngày 01/6/2022 đến ngày 27/9/2022,

tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, Trần Thị Ngọc N đã cho Nguyễn Thị Hồng H2 vay số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 144%/01 năm; mức lãi suất này đã vượt quá 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thu lợi bất chính số tiền 97.030.000 đồng.

[3] Lời trình bày và khai nhận tội của bị cáo N là phù hợp với lời khai của bị cáo N tại Cơ quan điều tra cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách quản lý tiền tệ, tài chính tín dụng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên xét xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về số tiền gốc, lãi mà bị cáo N cho vay được xử lý như sau:

Về số tiền gốc mà bị cáo N cho vay tổng số là 250.000.000 đồng trong quá trình bị cáo N cho chị H2 vay thì chị H2 đã trả đủ số tiền gốc 250.000.000 đồng cho bị cáo N. Số tiền lãi mà chị H2 đã trả cho bị cáo N từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/9/2022 là 108.000.000 đồng (bao gồm lãi được thu là 15.000.002 đồng và lãi vượt quá quy định Nhà nước là 92.999.998 đồng). Ngày 19/9/2022 chị H2 trả cho bị cáo N tiền vốn 120.000.000 đồng nên tiền vốn còn lại là 130.000.000 đồng, bị cáo N tính lãi cho chị H2 từ ngày 19/9/2022 đến ngày 27/9/2022 đối với số tiền vốn 130.000.000đ là 4.680.000 đồng (bao gồm lãi được thu là 649.998 đồng và lãi vượt quá quy định Nhà nước là 4.030.002 đồng). Đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng xác định là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo N phải nộp số tiền 250.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự phát sinh trên số tiền gốc 250.000.000 đồng mà bị cáo N đã thu là 15.650.000 đồng đây là khoản tiền thu lợi bất chính cần truy tịch thu của bị cáo N số tiền này để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo N thu lãi vượt quá mức quy định của pháp luật 97.030.000 đồng đây là số tiền chiếm giữ bất hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H2 nên cần buộc bị cáo N phải trả lại cho chị H2 số tiền 97.030.000 đồng.

Đối với hành vi của Nguyễn Long P1, Nguyễn Thị Hồng N1, Nguyễn Võ L1, Trần Thanh D, Trần Thị N2, Nguyễn Thị T2, Trương Thị Ái N3, Hà Thị D1 và Nguyễn Văn S đã cho Trần Thị Ngọc N vay, mượn tiền và nhận tiền lãi suất của N. Những người này thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và không biết việc N vay, mượn tiền để cho Nguyễn Thị Hồng H2 vay lại. Do đó, hành vi của

những người này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết, nên không xem xét xử lý.

[5] Xét ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[6] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo N như sau:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có cha ruột là ông Trần Văn M là người được hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTG ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ, ông nội ruột tên Trần Văn T3 là người có đóng góp nhiều công sức trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Bị can Trần Thị Ngọc N được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” giai đoạn năm 2010 – 2015; được Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện V tặng Giấy khen do đã hoàn thành xuất sắc trong phong trào công tác Hội năm 2011.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc N: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Thị Ngọc N.

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ –HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc N phải nộp số tiền gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để thu sung công quỹ Nhà nước.

Truy tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Trần Thị Ngọc N số tiền là 15.650.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) (tiền lãi được phép thu trên số tiền gốc 250.000.000đ).

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc N phải trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng H2 số tiền là 97.030.000đ (Chín mươi bảy triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) (số tiền bị cáo thu lãi vượt quá mức quy định của pháp luật).

Đối với hành vi của Nguyễn Long P1, Nguyễn Thị Hồng N1, Nguyễn Võ L1, Trần Thanh D, Trần Thị N2, Nguyễn Thị T2, Trương Thị Ái N3, Hà Thị D1 và Nguyễn Văn S đã cho Trần Thị Ngọc N vay, mượn tiền và nhận tiền lãi suất

của N. Những người này thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và không biết việc N vay, mượn tiền để cho Nguyễn Thị Hồng H2 vay lại. Do đó, hành vi của những người này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết, nên không xem xét xử lý.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, báo cho bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị L